

Số: 264 /KH-UBND

Đồng Nai, ngày 01 tháng 8 năm 2024

KẾ HOẠCH

Phối hợp với Trung tâm truyền hình Việt Nam khu vực Nam bộ -VTV9 và Thời báo VTV -VTV Times truyền thông về tỉnh Đồng Nai năm 2024

Căn cứ Kế hoạch số 160/KH-UBND ngày 21/6/2023 của UBND tỉnh về truyền thông quảng bá hình ảnh tỉnh Đồng Nai ra nước ngoài theo cách làm mới giai đoạn 2023-2025 và định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Kế hoạch số 277/KH-UBND ngày 29/11/2023 của UBND tỉnh về Kế hoạch thực hiện Chiến lược truyền thông về tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2023 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Kế hoạch số 262/KH-UBND ngày 08/11/2023 của UBND tỉnh về hoạt động thông tin đối ngoại tỉnh Đồng Nai năm 2024;

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch phối hợp với Trung tâm truyền hình Việt Nam khu vực Nam bộ -VTV9 và Thời báo VTV - VTV Times truyền thông về tỉnh Đồng Nai năm 2024 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Xây dựng, quảng bá thương hiệu, hình ảnh tỉnh Đồng Nai văn minh, năng động, phát triển, xứng tầm là một trụ cột trong vùng kinh tế trọng điểm vùng Đông Nam Bộ, đồng thời, là vùng đất thân thiện, giàu bản sắc văn hóa, đầy tiềm năng, nhiều cơ hội đầu tư phát triển.

b) Truyền thông, quảng bá về tiềm năng, thế mạnh, tạo ấn tượng đậm nét hơn về tỉnh Đồng Nai đến các nước trong khu vực và trên thế giới, qua đó thúc đẩy mạnh mẽ phát triển du lịch, gia tăng thu hút các nguồn lực đầu tư cho tỉnh, nhất là đầu tư nước ngoài, tạo được những bước phát triển đột phá trong các ngành mũi nhọn của tỉnh.

c) Thông tin, định hướng những vấn đề được dư luận quan tâm, nhất là những vấn đề quan trọng, nhạy cảm của địa phương; phản biện kịp thời các thông tin không chính xác gây ảnh hưởng không tốt đến hình ảnh tỉnh Đồng Nai.

2. Yêu cầu

a) Thông tin, tuyên truyền, quảng bá về địa phương đảm bảo chính xác, kịp thời, khách quan, trung thực, theo đúng định hướng chính trị của Đảng, pháp luật của Nhà nước; đáp ứng xu thế hội nhập và phát triển trong giai đoạn đổi mới của đất nước, quốc tế. Công tác tuyên truyền phải sinh động, thiết thực, tạo dựng hình ảnh về địa phương với những đặc trưng riêng của tỉnh Đồng Nai.

b) Đảm bảo mức hiện diện truyền thông tích cực về Đồng Nai trên môi trường báo chí: mỗi tuần có ít nhất 02 thông tin có chiều sâu và tích cực về Đồng Nai.

II. NỘI DUNG, HÌNH THỨC THỰC HIỆN

1. Phối hợp tuyên truyền về Đồng Nai trên Trung tâm truyền hình Việt Nam khu vực Nam bộ -VTV9

a) Nội dung: Thực hiện chương trình truyền hình “*Năng động phương Nam*” với 6 phóng sự tài liệu:

- Phóng sự 1: Đẩy nhanh tiến độ thi công các dự án giao thông trọng điểm

Trong năm 2024, hàng loạt dự án giao thông trên địa bàn tỉnh Đồng Nai sẽ tiếp tục được thi công: Dự án cảng hàng không quốc tế Long Thành, cao tốc Biên Hoà - Vũng Tàu, Vành đai 3 Thành phố Hồ Chí Minh..và một số dự án được khởi động: cao tốc Dầu Giây - Tân Phú, Tân Phú - Bảo Lộc, hệ thống logistics dọc sông Thị Vải... sẽ từng bước hoàn thiện hệ thống hạ tầng giao thông phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của vùng kinh tế Đông Nam Bộ nói chung và tỉnh Đồng Nai nói riêng. Do đó, giải pháp của địa phương trong năm 2024 là sẽ tiếp tục ưu tiên triển khai các dự án trọng điểm của quốc gia, vùng, tỉnh. Chương trình sẽ đi sâu phân tích, tổng quan về nội dung nêu trên.

- Phóng sự 2: Đào tạo nhân lực chuẩn bị cho sân bay Long Thành đi vào hoạt động

Sân bay quốc tế Long Thành được quy hoạch là sân bay lớn nhất cả nước, có chức năng trung chuyển trong khu vực Đông Nam Á, cạnh tranh với các sân bay lớn trên thế giới. Bên cạnh công tác đầu tư xây dựng, công tác vận hành khai thác nhằm tích hợp đầy đủ cơ sở hạ tầng, hệ thống công nghệ, quy trình quy chuẩn và nguồn nhân lực đóng vai trò then chốt trong việc quyết định tính hiệu quả đầu tư của dự án. Phóng sự đi sâu phân tích những giải pháp, công tác chuẩn bị về nhân lực của tỉnh cho việc vận hành sân bay Long Thành trong thời gian tới.

- Phóng sự 3: Ổn định cuộc sống cho người dân tái định cư trong vùng dự án sân bay Long Thành

Sân bay quốc tế Long Thành là công trình trọng điểm quốc gia đang được triển khai tại Đồng Nai và dự kiến đưa vào khai thác vào cuối năm 2026. Để tạo sinh kế ổn định cho người dân khi đến nơi ở mới, Đồng Nai đang nỗ lực hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội phục vụ người dân. Đặc biệt là các sở ngành và huyện Long Thành đang phối hợp cùng các đơn vị liên quan đào tạo nghề, hỗ trợ người dân tìm kiếm việc làm, ổn định cuộc sống.

- Phóng sự 4: Đào tạo nghề chất lượng cao tại các trường Cao đẳng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

Thời gian qua, công tác đào tạo nghề, đặc biệt là đào tạo nghề chất lượng cao luôn được Tỉnh ủy, UBND tỉnh quan tâm, chỉ đạo nhằm đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của thị trường lao động. Những năm qua, các cơ sở giáo dục

- Nhóm các bài viết về công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế; giới thiệu, quảng bá những nét đẹp, tiềm năng, thế mạnh của vùng đất và con người Đồng Nai; Thông tin về các hoạt động xúc tiến đầu tư, đặc biệt là đầu tư vào công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp công nghệ cao; thúc đẩy xuất khẩu, giới thiệu các sản phẩm đặc trưng, đặc sắc của tỉnh.

- Nhóm các bài viết tuyên truyền bảo đảm an ninh - quốc phòng; phản bác, phản biện các thông tin sai lệch, thông tin sai sự thật gây ảnh hưởng đến hình ảnh, uy tín và sự phát triển của tỉnh.

- Nhóm các bài viết về Chuyển đổi số ở một số lĩnh vực có tác động lớn là dịch vụ công của Nhà nước, sản xuất công nghiệp, tài chính - ngân hàng, thương mại điện tử, y tế, giáo dục, nông nghiệp, giao thông vận tải và logistics, năng lượng, tài nguyên và môi trường,...

b) Hình thức và ngôn ngữ thể hiện:

- Hình thức thực hiện: đăng tải bài viết trên Báo in, báo điện tử (<https://vtv.vn/vtv-times.html>).

- Ngôn ngữ thể hiện: Bằng tiếng Việt.

III. KINH PHÍ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện Kế hoạch: 693.787.768 từ nguồn kinh phí đã giao cho Sở Thông tin và Truyền thông (nguồn không tự chủ) tại Quyết định số 562/QĐ-STC ngày 12/12/2023 về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước – chi ngân sách địa phương tỉnh Đồng Nai năm 2024, bao gồm:

- Truyền thông trên các cơ quan báo chí: **686.787.768** đồng.

- Chi phí thẩm định giá: **7.000.000** đồng.

2. Thời gian thực hiện

Quý III, IV/2024

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giao Sở Thông tin và Truyền thông

a) Chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan thực hiện ký hợp đồng trực tiếp với cơ quan báo chí thực hiện tuyên truyền theo đúng quy định hiện hành và báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện.

b) Chủ động, kịp thời phát hiện khó khăn, vướng mắc để đề xuất, tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh.

2. Đề nghị Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chỉ đạo, định hướng nội dung thông tin, tuyên truyền về Đồng Nai trên các cơ quan báo chí.

3. Giao Sở Tài chính tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh trình Hội đồng Nhân dân tỉnh bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch theo quy định.

4. Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố Biên Hòa và Long Khánh tạo điều kiện hỗ trợ, cung cấp các thông tin, số liệu cần thiết cho các cơ quan báo chí khi có yêu cầu; đồng thời, chỉ đạo cán bộ công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị xem, chia sẻ các tin, bài, chương trình tuyên truyền về Đồng Nai của các cơ quan báo chí.

5. Cơ quan báo chí phối hợp truyền thông

Căn cứ vào nội dung Kế hoạch này, chủ động phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện công tác tuyên truyền kịp thời, hiệu quả, lan tỏa sâu rộng đến Nhân dân trong và ngoài tỉnh.

Trên đây là Kế hoạch phối hợp với Trung tâm truyền hình Việt Nam khu vực Nam bộ -VTV9 và Thời báo VTV -VTV Times truyền thông về tỉnh Đồng Nai năm 2024; Chủ tịch UBND tỉnh đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- TT. Tỉnh ủy;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Q. Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- Công an tỉnh, Bộ CHQS tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Chánh, các PVP UBND tỉnh;
- VTV9;
- Thời báo VTV (VTV Times);
- Lưu: VT, KGVX.



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Sơn Hùng



KINH PHÍ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH TUYÊN TRUYỀN VỀ ĐỒNG NAI TRÊN KÊNH VTV9 VÀ VTV TIMES NĂM 2024
(Đính kèm Kế hoạch số: 264/KH-UBND ngày 01 tháng 8 năm 2024)

Tổng dự toán

(Đơn vị tính: VN đồng)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
I TUYÊN TRUYỀN VỀ ĐỒNG NAI TRÊN KÊNH VTV9					485.388.000	
1	Kinh phí sản xuất các chương trình truyền hình	Chương trình truyền hình (01 chương trình có thời lượng 15 phút)	6	22.898.000	137.388.000	Đính kèm phụ lục 1
2	Chi phí phát sóng chương trình truyền hình			58.000.000	348.000.000	
II TUYÊN TRUYỀN VỀ ĐỒNG NAI TRÊN CÁC KÊNH PHẠM VTV/TIMES					201.399.768	
1	Bài phân ánh (báo điện tử)	Bài	5	11.827.170	59.135.850	Đính kèm phụ lục 2
2	Bài phân ánh (báo in)	Bài	3	26.827.170	80.481.511	Đính kèm phụ lục 3
3	Bài phỏng vấn (báo điện tử)	Bài	3	18.576.479	55.729.437	Đính kèm phụ lục 4
4	Ảnh minh họa theo bài (Báo in)	Ảnh	5	605.297	3.026.485	
5	Ảnh minh họa theo bài (báo điện tử)	Ảnh	5	605.297	3.026.485	Đính kèm phụ lục 5
III CHI PHÍ THÂM ĐỊNH GIÁ						
	Chi phí thẩm định giá	Gói	1	7.000.000	7.000.000	
Tổng cộng (I+II+III)					693.787.768	

(Bảng chữ: Sáu trăm chín mươi ba triệu bảy trăm tám mươi bảy ngàn bảy trăm sáu mươi tám đồng)

Phụ lục 1
DỰ TOÁN CHI TIẾT SẢN XUẤT 01 PHÒNG SỰ TÀI LIỆU 15 PHÚT

1.800.000

ĐVT: VND

STT	Diễn giải	ĐVT	Chương trình	Thông tư số 03/03/2018/TT-BTTTT ngày 20/04/2018					Thành tiền (VND)	Ghi chú
				Số người	Hệ số giá trị	Hệ số lương	Đơn giá (VND)			
1	Chi phí nhân công		1						7.630.036	- Theo mã hiệu 01.03.03.50.20 của TT số 03/2018/TT-BTTTT - Phụ cấp chức vụ: Lãnh đạo Ban (PCCV: 0,9), Lãnh đạo Phòng (PCCV: 0,5) tham gia trực tiếp sản xuất chương trình
	Biên tập viên III (bậc 4/9)	Công	1	1	5,81	3,33	272.455		1.582.961	
	Biên tập viên III (bậc 6/9)	Công	1	1	0,47	3,99	326.455		153.434	
	Biên tập viên hạng III (bậc 8/9)	Công	1	1	0,18	4,65	380.455		68.482	
	Đạo diễn truyền hình hạng III (bậc 3/9)	Công	1	1	4,00	4,65	380.455		1.521.818	
	Kỹ thuật dựng phim hạng II (bậc 3/9)	Công	1	1	0,33	5,08	415.636		137.160	
	Kỹ thuật dựng phim hạng II (bậc 6/9)	Công	1	1	0,06	6,10	499.091		29.945	
	Kỹ thuật viên (bậc 5/12)	Công	1	1	4,00	2,66	217.636		870.545	
	Phát thanh viên hạng II (bậc 3/8)	Công	1	1	0,13	2,72	222.545		28.931	
	Phòng viên hạng III (bậc 4/9)	Công	1	1	7,50	3,33	272.455		2.043.409	
	Quay phim viên hạng III (bậc 4/9)	Công	1	1	4,38	3,33	272.455		1.193.351	
	2	Chi phí sử dụng máy								
Hệ thống dựng phi tuyến		Giờ	1		24,17		100.000		2.417.000	
Hệ thống phòng đọc		Giờ	1		1,00		350.000		350.000	
Máy in		Giờ	1		0,06		100.000		6.000	
Máy quay phim		Giờ	1		32,00		300.000		9.600.000	
Máy tính		Giờ	1		57,70		50.000		2.885.000	
3	Chi phí vật liệu sử dụng								10.600	
	Giấy	ram	1		0,07		80.000		5.600	
	Mực in	hộp	1		0,02		250.000		5.000	
	Tổng cộng (1+2+3)								22.898.636	
Làm tròn								22.898.000		

Bảng chữ: Hai mươi hai triệu tám trăm chín mươi tám ngàn đồng

Phụ lục 2
DỰ TOÁN KINH PHÍ BÀI PHÂN ẢNH (BẢO ĐIỆN TỬ) TRÊN THỜI BẢO VẬT

TT	Nội dung	Đơn giá Bài Phân Ảnh							Thành tiền	Mã biên 01.01.01.04 Thông tư 18/2021 BTTTT	
		Đơn vị tính	Cấp bậc (1)	Hệ số lượng (2)	Trị số định mức theo TT 18 (3)	Lương cơ bản (5)	Đơn giá một ngày công (6)	Các khoản đóng góp theo lương (7)			Giá trị một ngày công 8=3x4x(6+7)
A CÔNG TÁC XÂY DỰNG BÀN THẢO VÀ BIÊN TẬP BÀN THẢO TÁC PHẨM BẢO CHỈ											
I Nhân công											
	Phòng viên hạng I	công	3/6	6,92	0,33	1.800.000	566.182	133.053	230.747	2.592.847	
	Phòng viên hạng II	công	5/8	5,76	0,54	1.800.000	471.273	110.749	314.292	230.747	
	Phòng viên hạng III	công	5/9	3,66	3,27	1.800.000	299.455	70.372	1.209.332	314.292	
	Biên tập viên hạng I	công	3/6	6,92	0,18	1.800.000	566.182	133.053	125.862	1.209.332	
	Biên tập viên hạng II	công	5/8	5,76	0,5	1.800.000	471.273	110.749	291.011	125.862	
	Biên tập viên hạng III	công	5/9	3,66	1,14	1.800.000	299.455	70.372	421.602	291.011	
	Máy sử dụng									421.602	
	Máy tính chuyên dụng	ca					4.735			22.578	
	Máy in laser A4	ca					2.367			22.572	
										6	
	3 Vật liệu sử dụng									31.746	Theo giá thực tế thị trường
	Giấy A4	Tờ			30		170			5.100	
	Mực in laser A4	Hộp			0,012		1.980.000			23.760	
	Vật liệu phụ	%			10%					2.886	
	Công (1+2+3)									2.647.170	
B CHI PHÍ KHÁC											
TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền						
1	Công tác phí (bao gồm chi phí ăn ở, đi lại cho 2 người)	ngày			4.180.000						Trung bình mỗi bài là 2 ngày, Theo Quy chế chi tiêu nội bộ tại đơn vị
	Tiền lưu trú	ngày x người	4		120.000					480.000	
	Tiền phòng	phòng x đêm	1		700.000					700.000	
	Thuế xe	ngày	2		1.500.000					3.000.000	

Đơn vị tính: đồng

Phụ lục 3
DỰ TOÁN KINH PHÍ BÀI PHÂN ẢNH (BẢO LƯU) TRÊN THỜI BÁO VTV

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung	Đơn giá Bài Phân Ảnh							Mã hiệu 01.01.01.04 Thông từ 18/2021 BT/TTT		
		Đơn vị tính	Cấp bậc (1)	Hệ số lượng (2)	Trị số định mức theo TT 18 (3)	Lương cơ bản (5)	Đơn giá một ngày công (6)	Các khoản đóng góp theo (7)		Giá trị một ngày công $8=3 \times 4 \times (6+7)$)	Thành tiền
A CÔNG TÁC XÂY DỰNG BẢN THẢO VÀ BIÊN TẬP BẢN THẢO TÁC PHẨM BÁO CHÍ											
I Nhân công											
	Phòng viên hạng I	công	3/6	6,92	0,33	1.800.000	566.182	133.053	230.747	2.592.847	
	Phòng viên hạng II	công	5/8	5,76	0,54	1.800.000	471.273	110.749	314.292	314.292	
	Phòng viên hạng III	công	5/9	3,66	3,27	1.800.000	299.455	70.372	1.209.332	1.209.332	
	Biên tập viên hạng I	công	3/6	6,92	0,18	1.800.000	566.182	133.053	125.862	125.862	
	Biên tập viên hạng II	công	5/8	5,76	0,5	1.800.000	471.273	110.749	291.011	291.011	
	Biên tập viên hạng III	công	5/9	3,66	1,14	1.800.000	299.455	70.372	421.602	421.602	
2 Máy sử dụng											
	Máy tính chuyên dụng	ca				4.767	4.735			22.572	
	Máy in laser A4	ca				0,0025	2.367			6	
3 Vật liệu sử dụng											
	Giấy A4	Tờ			30		170			5.100	
	Mực in laser A4	Hộp			0,012		1.980.000			23.760	
	Vật liệu phụ	%			10%					2.886	
B CHI PHÍ KHÁC											
TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng		Đơn giá		Thành tiền				
1	Công tác phí (bao gồm chi phí ăn ở, đi lại cho 2 người)	ngày						4.180.000	Trung bình mỗi bài là 2 ngày. Theo Quy chế chi tiêu nội bộ tại đơn vị		
	Tiền lưu trú	ngày x người	4			120.000		480.000			
	Tiền phòng	phòng x đêm	1			700.000		700.000			
	Thuế xe	ngày	2			1.500.000		3.000.000			

Phụ lục 4
DỰ TOÁN KINH PHÍ BÀI BÀI PHÒNG VẤN (BẢO ĐIỆN TỬ) TRÊN THỜI BẢO VTV

TT	Nội dung	Đơn giá Bài Phòng vấn							Đơn vị tính: đồng	Mã hiệu 01.01.04.01 Thông tư 18 2021 BTTTT		
		Đơn vị tính	Cấp bậc (1)	Hệ số lượng (2)	Tri số định mức theo TT 18 (3)	Lương cơ bản (5)	Đơn giá một ngày công (6)	Các khoản đóng góp theo lương (7)			Giá trị một ngày công $8=3 \times 4 \times (6+7)$)	Thành tiền
A	CÔNG TÁC XÂY DỰNG BẢN THẢO VÀ BIÊN TẬP BẢN THẢO TÁC PHẨM BÁO CHÍ											
1	Nhân công											
	Phòng viên hạng I	công	3/6	6,92	0,13	1.800.000	566.182	133.053	90.900	9.179.616		
	Phòng viên hạng II	công	5/8	5,76	4,75	1.800.000	471.273	110.749	2.764.604	90.900		
	Phòng viên hạng III	công	5/9	3,66	9,02	1.800.000	299.455	70.372	3.335.834	2.764.604		
	Biên tập viên hạng I	công	3/6	6,92	0,25	1.800.000	566.182	133.053	174.809	3.335.834		
	Biên tập viên hạng II	công	5/8	5,76	2	1.800.000	471.273	110.749	1.164.044	174.809		
	Biên tập viên hạng III	công	5/9	3,66	4,46	1.800.000	299.455	70.372	1.649.426	1.164.044		
2	Máy sử dụng											
	Máy tính chuyên dụng	ca					16.483		4.735	89.879		
	Máy in laser A4	ca					0,01		2.367	78.047		
	Máy ghi âm chuyên dụng	ca					9,727		1.214	24		
										11.809		
3	Vật liệu sử dụng											
	Giấy A4	Tờ					120		170	126.984		Theo giá thực tế thị trường
	Mực in laser A4	Hộp					0,048		1.980.000	20.400		
										95.040		

